

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA 2008
MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ
VIỆT NAM

HÀ NỘI - 2008



DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA BIÊN SOẠN BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA 2008 **"MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ VIỆT NAM"**

TẬP THỂ CHỈ ĐẠO:

TS. Phạm Khôi Nguyên, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
TS. Nguyễn Xuân Cường, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
TS. Trần Hồng Hà, Nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
PGS.TS. Bùi Cách Tuyến, Phó Tổng cục trưởng phụ trách Tổng cục Môi trường
TS. Lê Kế Sơn, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường

TỔ THƯ KÝ:

TS. Hoàng Dương Tùng, KS. Nguyễn Văn Thùy, ThS. Lê Hoàng Anh,
CN. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh, KS. Phạm Quang Hiếu, CN. Mạc Thị Minh Trà,
ThS. Lương Hoàng Tùng, CN. Nguyễn Hồng Hạnh – Tổng cục Môi trường

THAM GIA BIÊN TẬP, BIÊN SOẠN:

ThS. Dương Thanh An, ThS. Nguyễn Hoàng Ánh, ThS. Trần Thị Lệ Anh, ThS.
Nguyễn Hòa Bình, ThS. Lê Thanh Bình, TS. Mai Thanh Dung, ThS. Hoàng Minh
Đạo, ThS. Vũ Đình Hiếu, TS. Trần Thế Loan, TS. Đặng Văn Lợi, CN. Nguyễn
Công Quang, ThS. Hoàng Minh Sơn, KS. Đỗ Thanh Thủy, TS. Hoàng Văn Thúc,
ThS. Phùng Văn Vui – Tổng cục Môi trường.

GS.TS. Đặng Kim Chi, GS.TSKH. Phạm Ngọc Đăng, ThS. Lê Minh Đức, PGS.TS.
Tuông Thị Hội, TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hương, ThS. Nguyễn Trinh Hương, TS. An
Văn Khanh, TS. Nguyễn Thăng Long, ThS. Cù Hoài Nam, PGS.TS. Trần Hiếu Nhuận,
ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh, PGS.TS. Nguyễn Thị Sơn, TS. Nguyễn Ngọc Sinh, TS.
Phùng Chí Sỹ, TS. Trịnh Thành, KS. Dương Thị Tơ, TS. Nguyễn Hoàng Yến.

ĐÓNG GÓP Ý KIẾN VÀ CUNG CẤP SỐ LIỆU CHO BÁO CÁO:

Các đơn vị trong Bộ Tài nguyên và Môi trường;
Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu
tư, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Tổng cục Thống kê;
Hiệp hội Phát triển làng nghề Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
Các Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà
Nội, Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên, Lâm Đồng, Thái Bình, Thanh Hóa, Thừa
Thiên - Huế, Bình Dương, Bạc Liêu, Bến Tre, Tiền Giang.

TỔ CHỨC QUỐC TẾ:

Hợp phần Kiểm soát ô nhiễm các khu vực đông dân nghèo (PCDA/DANIDA):
Miles Burton, Lenart Emborg.



MỤC LỤC

Trang

Danh mục KhungX

Danh mục Hình.....xi

Danh mục Bảngxii

Danh mục Biểu đồxiii

Danh mục chữ viết tắtxvi

Lời nói đầuxix

Trích yếuxxi

Chương 1. TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ VIỆT NAM

1. 1. Lịch sử phát triển và phân loại làng nghề Việt Nam3

 1.1.1. Lịch sử phát triển các làng nghề Việt Nam3

 1.1.2. Phân loại và đặc trưng sản xuất của các làng nghề8

1.2. Vai trò của làng nghề trong sự phát triển kinh tế - xã hội9

 1.2.1. Chủ trương phát triển làng nghề9

 1.2.2. Làng nghề với sự phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông thôn10

 1.2.3. Làng nghề và xóa đói giảm nghèo ở nông thôn11

 1.2.4. Làng nghề truyền thống và hoạt động phát triển du lịch12

1.3. Những tồn tại trong quá trình phát triển làng nghề tác động tới môi trường14

1.4. Xu thế phát triển làng nghề đến năm 201515

Chương 2. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

2.1. Tổng quan ô nhiễm môi trường làng nghề21

2.2. Môi trường không khí tại các làng nghề23

 2.2.1. Đặc trưng khí thải ở các làng nghề23



2.2.2. Đặc trưng ô nhiễm không khí tại các làng nghề.....	24
2.2.2.1. Các làng nghề tái chế phế liệu: ô nhiễm không khí diễn ra khá nặng nề	24
2.2.2.2. Các làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác đá: ô nhiễm không khí diễn ra phổ biến	24
2.2.2.3. Các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ: ô nhiễm không khí đặc trưng do sự phân huỷ các chất hữu cơ	25
2.2.2.4. Các làng nghề ươm tơ, dệt vải và thuộc da: ô nhiễm không khí cục bộ	26
2.2.2.5. Các làng nghề thủ công mỹ nghệ, thêu ren: ô nhiễm không khí thường chỉ xảy ra tại một số làng nghề chế tác đá và sản xuất mây tre đan ..	26
2.3. Môi trường nước (nước mặt và nước dưới đất) tại các làng nghề	26
2.3.1. Đặc trưng nước thải sản xuất ở các làng nghề	26
2.3.1.1. Các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ: khối lượng nước thải sản xuất lớn với thải lượng các chất ô nhiễm hữu cơ cao	27
2.3.1.2. Các làng nghề dệt nhuộm, ươm tơ, thuộc da: nước thải sản xuất có độ màu cao, chứa nhiều hoá chất	28
2.3.1.3. Các làng nghề tái chế phế liệu: nước thải sản xuất chứa nhiều hoá chất độc hại	29
2.3.1.4. Các làng nghề thủ công mỹ nghệ: nước thải sản xuất tại một số làng nghề sơn mài và mây tre đan có thải lượng các chất gây ô nhiễm cao	30
2.3.2. Đặc trưng ô nhiễm nước mặt sông, hồ ở các làng nghề	30
2.3.2.1. Các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, ..chăn nuôi và giết mổ: nước mặt bị ô nhiễm hữu cơ nghiêm trọng.....	30
2.3.2.2. Các làng nghề dệt nhuộm, ươm tơ và thuộc da: nước mặt bị ô nhiễm hữu cơ nặng	31
2.3.2.3. Các làng nghề thủ công, mỹ nghệ: nước mặt bị ô nhiễm ở một số làng nghề mây tre đan	31
2.3.3. Đặc trưng ô nhiễm nước dưới đất tầng nông ở các làng nghề	32
2.3.3.1. Một số làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, giết mổ và làng nghề ươm tơ, dệt vải, thuộc da: nước dưới đất tầng nông đã có dấu hiệu ô nhiễm	32
2.3.3.2. Hầu hết các làng nghề thủ công, mỹ nghệ và thêu ren: nước dưới đất tầng nông chưa bị ô nhiễm	32
2.4. Chất thải rắn tại các làng nghề	32
2.4.1. Các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ: chất thải rắn giàu chất hữu cơ dễ bị phân huỷ sinh học	33



2.4.2. Các làng nghề tái chế phế liệu: chất thải rắn với thành phần phức tạp, khó phân huỷ	33
2.4.3. Các làng nghề dệt nhuộm, ươm tơ và thuộc da: chất thải rắn của làng nghề thuộc da và may gia công đồ da có thành phần khó phân huỷ	34
2.4.4. Các làng nghề thủ công mỹ nghệ: chất thải rắn không nhiều và được tận thu.....	34
2.5. Dự báo xu thế ô nhiễm môi trường làng nghề	34
2.5.1. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm chính	34
2.5.1.1. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm chính thải ra môi trường không khí.....	34
2.5.1.2. Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm chính thải ra môi trường nước ..	35
2.5.1.3. Dự báo tổng tải lượng các chất thải rắn	36
2.5.2. Dự báo mức độ ô nhiễm trong môi trường không khí và nước.....	36
2.5.2.1. Dự báo mức độ ô nhiễm trong môi trường không khí	36
2.5.2.2. Dự báo mức độ ô nhiễm môi trường nước	37

Chương 3. TÁC HẠI CỦA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG, KINH TẾ - XÃ HỘI

3.1. Bệnh tật gia tăng, tuổi thọ người dân suy giảm tại các làng nghề ô nhiễm	41
3.1.1. Ô nhiễm môi trường tại các làng nghề tái chế phế liệu gây tác hại nghiêm trọng nhất tới sức khỏe cộng đồng	43
3.1.2. Tác hại đến sức khỏe cộng đồng của ô nhiễm môi trường tại làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, giết mổ	45
3.1.3. Tác hại đến sức khỏe cộng đồng của ô nhiễm môi trường tại làng nghề dệt nhuộm, ươm tơ, thuộc da	47
3.1.4. Tác hại đến sức khỏe cộng đồng của ô nhiễm môi trường tại làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác đá	48
3.1.5. Tác hại đến sức khỏe cộng đồng của ô nhiễm môi trường tại làng nghề thủ công, mỹ nghệ	49
3.2. Ô nhiễm môi trường làng nghề gây tổn thất đối với phát triển kinh tế	49
3.2.1. Gia tăng chi phí chăm sóc sức khỏe và “gánh nặng bệnh tật”	50
3.2.2. Ô nhiễm môi trường làng nghề gây tác hại đến các hoạt động kinh tế.....	51
3.3. Ô nhiễm môi trường làng nghề làm nảy sinh xung đột môi trường.....	52



Chương 4. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ CÒN NHIỀU BẤT CẬP

4.1. Các văn bản quy phạm pháp luật BVMT làng nghề còn thiếu và chưa cụ thể	60
4.2. Chức năng, nhiệm vụ về BVMT làng nghề của các cấp quản lý (Bộ, ngành và địa phương) chưa rõ ràng	61
4.3. Công tác quy hoạch các khu/cụm công nghiệp tập trung cho làng nghề còn nhiều vấn đề tồn tại	63
4.4. Tổ chức thực hiện pháp luật về BVMT làng nghề còn yếu và chưa phát huy hiệu quả	63
4.4.1. Hiệu lực thực thi pháp luật còn yếu kém	63
4.4.2. Các công cụ kinh tế chưa được triển khai.....	64
4.4.3. Phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng làng nghề chưa được chú trọng	64
4.5. Nhân lực, tài chính và công nghệ cho BVMT làng nghề không đáp ứng nhu cầu.....	65
4.6. Chưa huy động được đầy đủ các nguồn lực xã hội trong BVMT làng nghề	66

CHƯƠNG 5. GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

5.1. Hoàn thiện thể chế, tăng cường tổ chức thực hiện pháp luật về BVMT làng nghề	72
5.1.1. Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về BVMT làng nghề	72
5.1.2. Hoàn thiện bộ máy quản lý môi trường cấp phường, xã, thị trấn	75
5.1.3. Tăng cường tổ chức thực thi pháp luật BVMT làng nghề	78
5.2. Quy hoạch không gian làng nghề gắn với BVMT	79
5.3. Giải pháp đối với các làng nghề đang hoạt động.....	80
5.3.1. Tăng cường mạnh mẽ công tác quản lý môi trường tại các làng nghề	80
5.3.2. Tăng cường áp dụng các công nghệ xử lý chất thải làng nghề	80
5.4. Giải pháp đối với các làng nghề đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.....	81
5.4.1. Khẩn trương xử lý môi trường trong các làng nghề đã có trong danh sách Quyết định 64/2003/QĐ-TTg	81
5.4.2. Phát hiện và xử lý trường hợp phát sinh các làng nghề gây ô nhiễm môi trường.....	83
5.4.3. Xử lý các khu vực bị ô nhiễm môi trường do hoạt động của các làng nghề.....	83



5.5. Một số giải pháp khuyến khích.....	83
5.5.1. Khuyến khích áp dụng sản xuất sạch hơn, các công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, xử lý các chất thải làng nghề	83
5.5.2. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác BVMT làng nghề	85
5.5.3. Khuyến khích tăng cường và đa dạng hóa đầu tư tài chính cho BVMT làng nghề	86
5.6. Một số giải pháp hạn chế và nghiêm cấm	87
Kết luận và Kiến nghị.....	89
Tài liệu tham khảo	91



DANH MỤC KHUNG

Chương 1. TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ VIỆT NAM

Khung 1.1.	Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống	4
Khung 1.2.	Sự hình thành làng nghề mới	5
Khung 1.3.	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho các làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn.....	10
Khung 1.4.	Vai trò của làng nghề trong phát triển kinh tế - xã hội	11
Khung 1.5.	Sự phát triển về quy mô của một số làng nghề trong những năm gần đây	12
Khung 1.6.	Đóng góp ngân sách của các làng nghề tỉnh Hà Nam.....	12
Khung 1.7.	Làng nghề truyền thống - tài nguyên du lịch nhân văn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng	13
Khung 1.8.	Làng nghề gắn với du lịch tại Hà Tây (trước đây).....	13
Khung 1.9.	Các yếu tố chính tác động đến sự phát triển của làng nghề	16

Chương 2. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

Khung 2.1.	Làng nghề Hà Nội và vấn đề môi trường nước	27
Khung 2.2.	Nước thải làng nghề tái chế giấy và vấn đề môi trường	29
Khung 2.3.	Chất thải rắn của các làng nghề Hà Nội.....	32

Chương 3. TÁC HẠI CỦA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG, KINH TẾ - XÃ HỘI

Khung 3.1.	Tác hại do ô nhiễm môi trường tại làng nghề đúc cơ khí Tổng Xá (Nam Định) tới sức khỏe cộng đồng.....	43
Khung 3.2.	Thống kê tình hình bệnh tật tại các làng nghề tái chế kim loại tính trên tổng số người đến khám chữa bệnh tại địa phương	44
Khung 3.3.	Ô nhiễm môi trường và bệnh tật tại làng nghề Dương Ổ (Bắc Ninh)	45
Khung 3.4.	Thống kê tình hình bệnh tật tại các làng chế biến lương thực, thực phẩm tính trên tổng số người đến khám chữa bệnh tại địa phương.....	46
Khung 3.5.	Tình hình bệnh tật tại làng nghề sơn mài Hạ Thái (Hà Tây)	49
Khung 3.6.	Ô nhiễm môi trường gây ảnh hưởng tới du lịch làng nghề Hà Tây.....	51
Khung 3.7.	Ô nhiễm tại làng nghề dệt Dương Nội (Hà Nội) gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp	52



Khung 3.8. Ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.....	52
Khung 3.9. Mâu thuẫn giữa các nhóm dân cư tại một số làng nghề Đồng bằng sông Hồng	53
Khung 3.10. Mâu thuẫn môi trường giữa xã Tân Hòa và xã Tiên Phương.....	53
Khung 3.11. Mâu thuẫn giữa hoạt động sản xuất và mỹ quan, văn hóa tại làng nghề sản xuất chỉ xơ dừa (Mỏ Cày, Bến Tre)	54
Khung 3.12. Suy nghĩ và hướng lựa chọn của người làm nghề người bị ảnh hưởng.....	54

Chương 4. QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ CÒN NHIỀU BẤT CẬP

Khung 4.1. Nội dung BVMT làng nghề của một số văn bản quy phạm pháp luật.....	58
Khung 4.2. Một số văn bản của các tỉnh/thành phố	59
Khung 4.3. Phân công trách nhiệm của Bộ NN&PTNT, Bộ Công thương và Bộ TN&MT trong phát triển làng nghề.....	62
Khung 4.4. Tình hình triển khai một số văn bản quy phạm pháp luật về làng nghề.....	63

Chương 5. GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

Khung 5.1. Một số đề xuất liên quan đến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt về BVMT làng nghề	73
Khung 5.2. Đề xuất một số quy định về vệ sinh môi trường làng nghề	74
Khung 5.3. Một số giải pháp công nghệ xử lý chất thải.....	81
Khung 5.4. Sản xuất sạch hơn	84
Khung 5.5. Hướng dẫn những nội dung chính của hương ước	85

DANH MỤC HÌNH

Chương 1. TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ VIỆT NAM

Hình 1.1. Hiện trạng phân bố các làng nghề nước ta.....	6
Hình 1.2. Hiện trạng phân bố các làng nghề theo các nhóm ngành nghề	7

Chương 5. GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

Hình 5.1. Cơ cấu hệ thống quản lý môi trường cấp xã.....	75
--	----



DANH MỤC BẢNG

Chương 1. TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ VIỆT NAM

Bảng 1.1.	Trình độ kỹ thuật ở các làng nghề.....	14
Bảng 1.2.	Các xu thế phát triển chính của làng nghề Việt Nam đến 2015	16

Chương 2. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

Bảng 2.1.	Đặc trưng ô nhiễm từ sản xuất của một số loại hình làng nghề	22
Bảng 2.2.	Thải lượng ô nhiễm do đốt than tại làng nghề tái chế	23
Bảng 2.3.	Thải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải của một số làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm	27
Bảng 2.4.	Hàm lượng Coliform trong nước thải một số làng nghề sản xuất lương thực, thực phẩm (MPN/100 ml)	28
Bảng 2.5.	Hàm lượng Coliform trong nước mặt một số làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ	31
Bảng 2.6.	Nhu cầu nhiên liệu và tải lượng xỉ của một số làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm	33
Bảng 2.7.	Thành phần và khối lượng bã thải từ sản xuất tinh bột tại làng nghề Dương Liễu	33

Chương 3. TÁC HẠI CỦA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG, KINH TẾ - XÃ HỘI

Bảng 3.1.	Thực trạng bệnh tật tại làng nghề ương tơ Đông Yên (Quảng Nam)	48
Bảng 3.2.	Thống kê tình hình bệnh tật tại làng nghề dệt lụa Vạn Phúc (Hà Nội)..	48
Bảng 3.3.	Tỷ lệ bệnh tật tại làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước (Đà Nẵng) tính trên tổng số dân của khu vực	49

Chương 5. GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

Bảng 5.1.	Phân công chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức cá nhân trong quản lý môi trường làng nghề.....	76
Bảng 5.2.	Mô hình quy hoạch cho làng nghề dệt nhuộm.....	80
Bảng 5.3.	Danh sách làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg.....	82
Bảng 5.4.	Các giải pháp sản xuất sạch hơn cho làng nghề tái chế kim loại.....	84



DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Chương 1. TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ VIỆT NAM

Biểu đồ 1.1.	Phân loại làng nghề Việt Nam theo ngành nghề sản xuất.....	8
Biểu đồ 1.2.	Tỷ lệ các làng nghề có các dịch vụ xã hội trong tổng số các làng nghề được khảo sát.....	10
Biểu đồ 1.3.	Kim ngạch xuất khẩu từ các sản phẩm làng nghề của Việt Nam	11
Biểu đồ 1.4.	Dự đoán số lượng làng nghề khu vực ĐBSH đến năm 2015.....	17

Chương 2. Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ

Biểu đồ 2.1.	Hàm lượng bụi và SO ₂ trong không khí tại làng nghề chế biến kim loại	24
Biểu đồ 2.2.	Hàm lượng bụi trong không khí làng nghề chế biến nhựa	24
Biểu đồ 2.3.	Hàm lượng một số thông số trong không khí làng nghề vật liệu xây dựng	25
Biểu đồ 2.4.	Hàm lượng SO ₂ và NO ₂ trong không khí ở một số làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, giết mổ	25
Biểu đồ 2.5.	Hàm lượng một số thông số trong không khí tại một số làng nghề dệt nhuộm	26
Biểu đồ 2.6.	Hàm lượng một số thông số trong không khí của một số làng nghề thủ công mỹ nghệ.....	26
Biểu đồ 2.7.	Lưu lượng nước thải sản xuất của một số làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, giết mổ	27
Biểu đồ 2.8.	Hàm lượng BOD ₅ , COD và SS trong nước thải một số làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, giết mổ	27
Biểu đồ 2.9.	Lưu lượng nước thải một số làng nghề dệt nhuộm, nhuộm tơ	28
Biểu đồ 2.10.	Hàm lượng COD, BOD ₅ và SS trong nước thải một số cơ sở làng nghề dệt nhuộm, nhuộm tơ, dệt vải	28
Biểu đồ 2.11.	Hàm lượng một số kim loại nặng trong nước thải làng nghề kim khí	29
Biểu đồ 2.12.	Hàm lượng một số thông số ô nhiễm trong nước thải sản xuất làng nghề tái chế giấy	29



Danh mục biểu đồ

Biểu đồ 2.13.	Hàm lượng COD, BOD ₅ , SS và độ màu trong nước thải sản xuất sơn mài và mây tre đan.....	30
Biểu đồ 2.14.	Hàm lượng một số thông số trong nước mặt làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ	30
Biểu đồ 2.15.	Hàm lượng COD, BOD ₅ trong nước mặt làng nghề dệt nhuộm, ương tơ	31
Biểu đồ 2.16.	Hàm lượng BOD ₅ và COD trong nước mặt tại một số làng nghề thủ công mỹ nghệ	31
Biểu đồ 2.17.	Hàm lượng Coliform trong nước dưới đất tầng nông một số làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, giết mổ và làng nghề ương tơ, dệt vải	32
Biểu đồ 2.18.	Lượng chất thải rắn của một số làng nghề tái chế kim loại	33
Biểu đồ 2.19.	Dự báo tổng thải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải làng nghề khu vực ĐBSH theo 3 kịch bản (KB1, KB2, KB3)	35
Biểu đồ 2.20.	Dự báo tổng thải lượng bụi của các nhóm ngành làng nghề khu vực ĐBSH theo 3 kịch bản (KB1, KB2 và KB3)	35
Biểu đồ 2.21.	Dự báo tổng thải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải khu vực ĐBSH theo 3 kịch bản (KB1, KB2, KB3)	35
Biểu đồ 2.22.	Dự báo tổng thải lượng COD của các nhóm ngành làng nghề khu vực ĐBSH theo 3 kịch bản (KB1, KB2 và KB3)	35
Biểu đồ 2.23.	Dự báo tổng thải lượng chất thải rắn của các nhóm ngành làng nghề khu vực ĐBSH theo 3 kịch bản (KB1, KB2 và KB3)	36
Biểu đồ 2.24.	Dự báo nồng độ lớn nhất các chất ô nhiễm trong khí thải làng nghề tính trung bình cho khu vực ĐBSH theo 3 kịch bản (KB1, KB2 và KB3)	37
Biểu đồ 2.25.	Dự báo nồng độ lớn nhất của bụi trong khí thải làng nghề tính trung bình cho các nhóm ngành khu vực ĐBSH theo 3 kịch bản (KB1, KB2 và KB3)	37
Biểu đồ 2.26.	Dự báo thải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải làng nghề tính trung bình - khu vực ĐBSH theo 3 kịch bản (KB1, KB2 và KB3).....	37
Biểu đồ 2.27.	Dự báo thải lượng BOD tính trung bình theo ngày và cho từng làng nghề của khu vực ĐBSH theo 3 kịch bản (KB1, KB2 và KB3)	37

Chương 3. TÁC HẠI CỦA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG LÀNG NGHỀ ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG, KINH TẾ - XÃ HỘI

Biểu đồ 3.1.	Cơ cấu tuổi người đến khám chữa bệnh và tuổi thọ trung bình tại làng nghề đúc cơ khí Tổng Xá so sánh với làng thuần nông Yên Phong (Nam Định)	42
--------------	---	----



Biểu đồ 3.2.	Tỷ lệ mắc bệnh của các làng nghề và các làng không làm nghề tại Hà Nam	42
Biểu đồ 3.3.	Tỷ lệ một số bệnh thường gặp tại các làng nghề ở Hà Tây (trước đây)	42
Biểu đồ 3.4.	Tỷ lệ người mắc các bệnh phổ biến tại làng nghề tái chế kim loại Châu Khê (Bắc Ninh)	44
Biểu đồ 3.5.	Tỷ lệ mắc bệnh tại làng nghề chế biến dược liệu Thiết Trụ (Hưng Yên) so với làng đối chứng	47
Biểu đồ 3.6.	Tỷ lệ mắc bệnh tại làng nghề Cộng Hòa (Hà Tây trước đây) và khu vực thuần nông Đồng Tháp	47
Biểu đồ 3.7.	Ước tính chi phí cho chăm sóc sức khỏe tại làng nghề đúc cơ khí Tống Xá và khu vực đối chứng Yên Phong (Nam Định)	50
Biểu đồ 3.8.	Gánh nặng bệnh tật tại làng nghề Tống Xá và khu vực đối chứng Yên Phong	51



DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Al ₂ O ₃	Nhôm ôxít
BOD	Nhu cầu ôxy sinh học
BVMT	Bảo vệ môi trường
CDM	Cơ chế phát triển sạch
CEETIA	Trung tâm Kỹ thuật môi trường Đô thị và Khu công nghiệp
CH ₄	Mêtan
CHXHCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
Cl ₂	Clo
CN-	Xyanua
CNH	Công nghiệp hóa
CO	Cácbon mônôxít
CO ₂	Cácbon điôxít
COD	Nhu cầu ôxy hóa học
Cr	Crôm
Cu	Đồng
dBA	DeciBel
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐH	Đại học
ĐMC	Đánh giá môi trường chiến lược
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
FDI	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
Fe	Sắt
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
GTVT	Giao thông vận tải
H ₂ S	Hyđrô Sunfit
HCl	Hyđrô Clorua



HHH	Hiện đại hóa
HF	Hydrô Florua
Hg	Thủy ngân
HTX	Hợp tác xã
JICA	Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản
KB	Kịch bản
KCN	Khu công nghiệp
KH&CNMT	Khoa học và công nghệ môi trường
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KTTĐ	Kinh tế trọng điểm
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
LPG	Khí hoá lỏng
LVS	Lưu vực sông
Mn ²⁺	Mangan
MPN/100ml	Mật độ khuẩn lạc trong 100 ml
NH ₃	Amoniac
Ni	Niken
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NO ₂	Nitơ điôxít
NO _x	Các Nitơ ôxít
NXB	Nhà xuất bản
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
Pb	Chì
PbO	Chì ôxít
PTBV	Phát triển bền vững
Si	Silic
SiO ₂	Silic điôxít
SO ₂	Sunfua điôxít
SS	Chất rắn lơ lửng
TB	Trung bình
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép



Danh mục chữ viết tắt

TCTK	Tổng cục Thống kê
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
THC	Tổng hydro-cácbon
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
TP	Thành phố
TS	Tiến sỹ
TSP	Bụi lơ lửng tổng số
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban Nhân dân
USD	Đôla Mỹ
VNĐ	Việt Nam đồng
VOCs	Các hợp chất hữu cơ bay hơi
VSMT	Vệ sinh môi trường
Zn	Kẽm
ZnO	Kẽm ôxít



LỜI NÓI ĐẦU

Làng nghề - một trong những đặc thù của nông thôn Việt Nam - đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Sự phát triển làng nghề đã góp phần xóa đói giảm nghèo ở nông thôn, giải quyết việc làm lúc nông nhàn, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống... Tuy nhiên, trong thời gian qua, sự phát triển của các làng nghề vẫn chưa nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của các cấp chính quyền theo định hướng phát triển bền vững.

Làng nghề Việt Nam có lịch sử hình thành và phát triển hàng trăm năm, tuy nhiên đến nay vẫn mang nhiều tính tự phát, nhỏ lẻ. Bên cạnh đó, sản xuất tại làng nghề còn sử dụng các thiết bị thủ công, đơn giản, công nghệ lạc hậu, hiệu quả sử dụng nguyên/nhiên liệu thấp, mặt bằng sản xuất hạn chế, ý thức người dân trong bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe còn hạn chế. Do đó, nhiều hoạt động sản xuất của làng nghề đã và đang tạo sức ép không nhỏ đến chất lượng môi trường sống của chính làng nghề và cộng đồng xung quanh.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, năm 2008, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã lựa chọn xây dựng Báo cáo môi trường Quốc gia chuyên đề về **Môi trường làng nghề Việt Nam**. Báo cáo trả lời những câu hỏi: Điều gì đang xảy ra với môi trường làng nghề? Môi trường làng nghề đang bị ô nhiễm như thế nào? Loại hình làng nghề sản xuất nhỏ nào gây ô nhiễm môi trường? Tại sao bị ô nhiễm? Ô nhiễm môi trường làng nghề đã gây tác hại đến sức khỏe cộng đồng và sự phát triển kinh tế - xã hội như thế nào? Chúng ta đã, đang và sẽ phải làm gì để bảo vệ môi trường làng nghề?

Tham gia biên soạn Báo cáo có các cán bộ quản lý Nhà nước, các nhà khoa học của các viện nghiên cứu, trường đại học, các chuyên gia quốc tế. Đặc biệt, Báo cáo đã nhận được sự quan tâm, tham gia, đóng góp ý kiến của các Bộ/ngành, địa phương và nhiều chuyên gia trong nước cũng như quốc tế về đề cương, bố cục và nội dung của báo cáo. Phần lớn các số liệu và thông tin sử dụng trong báo cáo được cập nhật hết tháng 12/2008 và đều được cung cấp chính thức từ các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm. Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng cảm ơn tất cả sự tham gia đóng góp quý báu nói trên.

Báo cáo được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của DANIDA (Đan Mạch) thông qua Hợp phần Kiểm soát ô nhiễm các vùng đông dân nghèo (PCDA). Đây thực sự là kết quả của một nỗ lực chung giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các tổ chức quốc tế, nhằm hướng tới phục vụ cho sự phát triển bền vững của quốc gia, địa phương, cũng như phục vụ đông đảo cộng đồng quan tâm đến bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Hy vọng, Báo cáo này sẽ hỗ trợ quá trình ra các quyết định về bảo vệ môi trường cũng như công tác lập kế hoạch và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội các làng nghề, góp phần phát triển bền vững nông thôn Việt Nam. Đồng thời đây cũng là tài liệu tham khảo cần thiết phục vụ công tác nghiên cứu của các nhà khoa học và phổ biến thông tin cho cộng đồng, cũng như những cá nhân có quan tâm.

chữ ký

PETER LYSHOLT HANSEN

Đại sứ Vương quốc Đan Mạch
tại Việt Nam

chữ ký

PHẠM KHÔI NGUYỄN

Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường



TRÍCH YẾU

Báo cáo môi trường quốc gia 2008 - Môi trường làng nghề Việt Nam phân tích hiện trạng môi trường và những nguyên nhân, những ảnh hưởng xấu của ô nhiễm môi trường, dự báo xu hướng diễn biến môi trường trong những năm tiếp theo, đồng thời làm rõ thực trạng và những tồn tại trong công tác quản lý, từ đó đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường làng nghề.

Cũng như những năm trước, Báo cáo được xây dựng dựa trên mô hình D-P-S-I-R (Động lực - Áp lực - Hiện trạng - Tác động - Đáp ứng). Động lực là sự phát triển của hoạt động sản xuất, nhu cầu của thị trường, trình độ văn hóa, nhận thức, điều kiện hạ tầng,... Hiện trạng chất lượng môi trường xung quanh được đánh giá thông qua các thông số như: TSP, NO₂, CO₂, SO₂, tiếng ồn,... (đối với môi trường không khí và tiếng ồn) và COD, BOD₅, Coliform, độ màu,... (đối với môi trường nước). Các áp lực bao gồm các đặc trưng của các loại chất thải sản xuất, thải lượng các chất gây ô nhiễm trong nước thải, khí thải, chất thải rắn,... Tác động của vấn đề ô nhiễm được phân tích qua tỷ lệ cộng đồng dân cư mắc các bệnh liên quan đến ô nhiễm môi trường, các thiệt hại kinh tế và vấn đề xã hội nảy sinh do ô nhiễm môi trường làng nghề. Đáp ứng là các giải pháp tổng hợp cải thiện chất lượng môi trường làng nghề như các chính sách, pháp luật, thể chế có liên quan để đạt được các mục tiêu về bảo vệ môi trường, các hành động giảm thiểu, các hoạt động về nâng cao nhận thức, giáo dục, quản lý và kiểm soát môi trường làng nghề.

Báo cáo tập trung vào sáu nhóm làng nghề chính mà hoạt động sản xuất đã và đang gây ô nhiễm môi trường và tác động xấu tới sức khỏe cộng đồng. Với mỗi nhóm làng nghề, Báo cáo lựa chọn một số làng nghề điển hình để phân tích.

Báo cáo sử dụng các số liệu liên quan đến môi trường làng nghề của những năm gần đây (2002 - 2008). Số liệu của những năm 2002 - 2005 được sử dụng đối với những làng nghề cho đến nay không có những thay đổi về công nghệ sản xuất, các tác động đến môi trường xung quanh không có xu hướng giảm đi. Các số liệu trong báo cáo được cung cấp chính thức từ các cơ quan có trách nhiệm và được tập hợp từ những nguồn tài liệu có tính pháp lý.

Báo cáo gồm 5 chương:

- Chương 1. Tổng quan phát triển làng nghề Việt Nam
- Chương 2. Ô nhiễm môi trường làng nghề
- Chương 3. Tác hại của ô nhiễm môi trường làng nghề đến sức khỏe cộng đồng, kinh tế - xã hội
- Chương 4. Quản lý môi trường làng nghề còn nhiều bất cập
- Chương 5. Giải pháp bảo vệ môi trường làng nghề

Để đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, Báo cáo sử dụng các tiêu chuẩn dưới đây:

- TCVN 5945-2005: Nước thải công nghiệp - Tiêu chuẩn thải
- TCVN 5942-1995: Tiêu chuẩn chất lượng nước mặt
- TCVN 5944-1995: Tiêu chuẩn chất lượng nước ngầm
- TCVN 5937-2005: Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh
- TCVN 5938-2005: Chất lượng không khí - Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh
- TCVN 5949-1998: Tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư - Mức ồn tối đa cho phép.